

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Linh Thị Ngọc Thạch
2. Ông Nguyễn Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 536/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian tiếp tục mở lại phiên tòa số 36/TB-TA ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp SC 1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp SC 1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, bà và ông Nguyễn Văn A chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc mặc dù cả

hai đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mặt khác, ông A đã có người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, cuộc sống ai người đó tự lo. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà Nguyễn Thị T không còn tình cảm gì với ông Nguyễn Văn A nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

Về con chung: Ông bà có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày: 03/5/1990 và Nguyễn Thị B, sinh ngày: 11/11/1992. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn A được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Văn A vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông Nguyễn Văn A đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn A là vợ chồng; Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày: 03/5/1990 và Nguyễn Thị B, sinh ngày: 11/11/1992, hiện các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị T khai không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: bà Nguyễn Thị T khai không có. Ông Nguyễn Văn A không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Nguyễn Văn A về việc “Ly hôn”. Do đó, quan hệ pháp luật là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn A có nơi cư trú tại ấp SC 1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Nguyễn

Văn A, nên xác định bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn A là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn A tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Sau khi chung sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc mặc dù cả hai đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mặt khác, ông A đã có người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, cuộc sống ai người đó tự lo. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà Nguyễn Thị T không còn tình cảm gì với ông Nguyễn Văn A nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn A. Tại Biên bản xác minh ngày 09/11/2022 tại UBND xã SC (bút lục số 22) thể hiện ông Nguyễn Văn A có hộ khẩu thường trú tại ấp SC 1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai và hiện nay Nguyễn Văn A đang cư trú và sinh sống tại địa phương.

Theo đơn xác nhận của UBND xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai (bút lục số 02) thì bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn A không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn A cưới nhau làm vợ, làm chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”*. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của

Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn A là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày: 03/5/1990 và Nguyễn Thị B, sinh ngày: 11/11/1992, hiện các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53 **Luật hôn nhân và gia đình năm 2014**; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày: 03/5/1990 và Nguyễn Thị B, sinh ngày: 11/11/1992 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006801 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải

